

# Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Khoa học và công nghệ (KH&CN) đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng trí tuệ và tố chất của đội ngũ cán bộ KH&CN cũng như người dân Việt Nam, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Bài viết phân tích các kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại, tìm ra được những bước đi mới vững chắc nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động KH&CN của đất nước trong thời gian tới.

**T**rong giai đoạn 2011 - 2015, KH&CN nước ta đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên các lĩnh vực như quốc phòng - an ninh, đặc biệt là làm chủ công nghệ trong công tác đóng tàu quân sự 12418; công nghệ thông tin - truyền thông (ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực hải quan, ngân hàng); cơ khí - tự động hóa (thiết kế, chế tạo thành công máy biến áp điện lực 3 pha 500KV-3x150 MVA); y tế (ứng dụng công nghệ tế bào gốc trong điều trị ung thư tại Bệnh viện Trung ương Huế); công nghệ sinh học; bảo tồn nguồn gen; nông nghiệp;

thủy lợi; môi trường... Điều này đã cho thấy, KH&CN nước ta đang có sự chuyển biến và đổi mới mạnh mẽ, các kết quả nghiên cứu đã chú trọng giải quyết các yêu cầu của sản xuất, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, phát triển nguồn nguyên liệu thay thế ngoại nhập, đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế tạo các thiết bị sản xuất. Nhiều công trình nghiên cứu KH&CN đã được áp dụng thành công, góp phần đáp ứng nhu cầu trong nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội. KH&CN đang từng bước thể hiện vai trò động lực và nền tảng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo đánh giá trong Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO) kết hợp với Đại học Cornell (Hoa Kỳ) và Học viện Kinh doanh INSEAD (Pháp), Việt Nam đứng thứ 52 trên 141 quốc gia/nền kinh tế tham gia xếp hạng, tăng 19 bậc so với năm trước. Việc thăng hạng có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi đây là đánh giá khách quan của các tổ chức và trường đại học uy tín trên thế giới.

## **Chính sách, pháp luật đối với phát triển KH&CN**

Nhận thức được tầm quan trọng của KH&CN, Đảng ta đã dành nhiều điều kiện cho phát triển KH&CN,



*Thanh tra hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*

đã ban hành các định hướng chiến lược phát triển KH&CN. Pháp luật nước ta trong lĩnh vực KH&CN đã được ban hành khá đầy đủ, gồm 08 đạo luật, hàng loạt văn bản hướng dẫn thi hành, nhiều văn bản quan trọng khác về xây dựng tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý KH&CN cũng đã được ban hành, bổ sung và hoàn thiện nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động KH&CN.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục khẳng định cùng với giáo dục và đào tạo, KH&CN là quốc sách hàng đầu, đã xác định vai trò quan trọng của KH&CN đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phát triển đất

nước nhanh và bền vững; đã đưa KH&CN từ “giữ vai trò then chốt, là động lực thúc đẩy phát triển đất nước” (Hiến pháp năm 1992) trở thành “quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”.

Luật KH&CN năm 2013 với nhiều nội dung mới đã tháo gỡ những “nút thắt”, tạo bước đột phá cơ bản trong hoạt động KH&CN, đó là: Đổi mới về tổ chức KH&CN; đột phá về chính sách sử dụng và đãi ngộ cán bộ KH&CN; đổi mới về phương thức đầu tư cho KH&CN; đổi mới về ứng dụng kết quả nghiên cứu và phổ biến kiến thức KH&CN; đổi mới quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho nghiên cứu KH&CN; vinh danh các nhà khoa học và ngày 18-5

hàng năm là “Ngày KH&CN Việt Nam”.

Bên cạnh đó, việc ban hành sửa đổi, bổ sung về tài chính, ngân sách, đầu tư... đã hỗ trợ hệ thống pháp luật về KH&CN và tạo cơ chế cho KH&CN phát triển.

### **Một số bất cập, yếu kém của đầu tư cho KH&CN, hoạt động KH&CN**

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả như đã nêu, nhưng so với yêu cầu phát triển, KH&CN nước ta còn chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước, chưa gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thị trường KH&CN còn sơ khai, chưa tạo sự gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu với đào tạo và sản xuất, kinh doanh; đầu tư cho KH&CN còn thấp, sử dụng chưa hiệu quả.

Không ít tổ chức KH&CN chưa thực hiện nhiệm vụ KH&CN chuyên sâu, việc hình thành nhiệm vụ KH&CN thiếu tính kế thừa, việc đăng ký và sử dụng kết quả nghiên cứu còn thiếu tính hệ thống; nhiều tổ chức KH&CN chưa chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Phân bổ ngân sách nhà nước cho KH&CN chưa hợp lý, kinh phí cấp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN có nhiều bất cập, thường xuyên chậm; cơ cấu chi chưa thực sự phù hợp.

Quản lý tài chính quốc gia về KH&CN có nhiều bất cập. Bộ Kế hoạch và Đầu tư lo chi đầu tư phát triển khoảng 44%, khoảng 56% còn lại một phần là lương sự nghiệp của Bộ Tài chính, phần chi nghiên cứu do Bộ KH&CN chủ trì (trong đầu tư phát triển, Trung ương: 49%, địa phương: 51%). Trong đó chi cho nghiên cứu ở Trung ương: 75%, địa phương: 25%). Đây là bài toán cần nghiên cứu, tính toán lại.

Chưa huy động được nhiều nguồn lực cho hoạt động KH&CN, đặc biệt từ doanh nghiệp. Ở các nước phát triển, phần lớn kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN đến từ các doanh nghiệp, còn Nhà nước chỉ chi khoảng 20% - 30%. Kinh phí từ ngân sách Nhà nước chủ yếu chi cho các nghiên cứu cơ bản và các đề án có tầm quan trọng chiến lược.

Cơ cấu nguồn nhân lực



Hình ảnh hoạt động hưởng ứng ngày KH&CN 18/5

quốc gia bất hợp lý. Theo kết quả tổng hợp từ Điều tra nghiên cứu và phát triển 2014 (Bản tin Chiến lược Phát triển, số 5+6+7/2015 của Cục Thông tin KH&CN quốc gia, Bộ KH&CN), năm 2013 Việt Nam có 164.744 người hoạt động trong lĩnh vực R&D, trong đó ở khu vực nhà nước có 139.531 người, chiếm tới 83%; ngoài nhà nước: 20.917 người, chiếm 14%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 4.296 người, chiếm 3%. Với cơ cấu như vậy, cần phải thay đổi mới thu hút được các nguồn lực cho hoạt động KH&CN. Ở các trường đại học có 74.217 người, chiếm 45%, các viện/trung tâm nghiên cứu: 37.481 người, chiếm 23%, số còn lại ở các cơ sở khác. Với cơ cấu như vậy, nguồn ngân sách cũng cần phải cơ cấu lại

mới tránh được tình trạng lãng phí chất xám và sử dụng nguồn nhân lực không hiệu quả.

### **Kiến nghị một số giải pháp**

Nhiệm vụ KH&CN trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020:

- 1- Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý hoạt động KH&CN;
- 2- Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu;
- 3- Tiếp tục nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia;
- 4- Phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp KH&CN và các hoạt động dịch vụ KH&CN;
- 5- Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trên đòi hỏi tập trung triển khai một số giải pháp sau:

Một là, quán triệt nghiêm túc các nghị quyết của Đảng;



các chủ trương, pháp luật của Nhà nước; hiểu rõ mọi thách thức và nắm bắt tốt mọi cơ hội trong phát triển KH&CN.

Trong thời gian tới, có nhiều cơ hội và thách thức lớn, có thể kể đến là: Tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Việt Nam bước vào một sân chơi mới gồm 12 quốc gia có sản lượng buôn bán bằng 40% sản lượng toàn cầu. Sân chơi này không chỉ về thương mại mà tất cả các lĩnh vực, trong đó có KH&CN. Nếu KH&CN không thực sự vào cuộc tốt thì chất lượng sản phẩm và giá thành hàng hóa không thể cạnh tranh được, đồng nghĩa với nó là sẽ thất bại. Nếu biết tận dụng cơ hội, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau thì KH&CN sẽ phát triển một cách nhanh chóng.

*Hai là*, phân bổ và sử dụng ngân sách phải thực sự khoa học, hướng tới hiệu quả, theo cơ chế thị trường. Đổi mới việc xác định nhiệm vụ và cấp kinh phí KH&CN cho các địa phương. Nhiệm vụ KH&CN nói chung có tính liên thông, liên kết vùng, không bị “chặn” ở “biên giới” một địa phương nào đó. Những nghiên cứu khoa học phải đến được các doanh nghiệp. Bởi doanh nghiệp là nơi quy tụ của sự phát triển ứng dụng KH&CN để tạo thành sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong ngân sách cho

KH&CN phải dành một phần để làm “vốn mồi”, phải có cơ chế để kéo vốn, thu hút các nguồn lực kể cả trong và ngoài nước. Cần bố trí nguồn kinh phí dự phòng cho khoa học, vì hoạt động KH&CN có tính rủi ro cao, cắt giảm những hoạt động KH&CN không chất lượng nhằm chống lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế khoán; tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN và cần có niềm tin với người được cấp kinh phí.

*Ba là*, tăng cường giám sát và đánh giá tình hình sử dụng và phân bổ ngân sách bằng những chỉ tiêu thực sự khoa học. Theo đó, phải tăng quy định và giám sát tình hình sử dụng, phân bổ ngân sách; kiểm toán thực hiện các chương trình, đề tài kể cả cấp nhà nước, chống hình thức; có hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các đơn vị KH&CN theo tinh thần mới. Có thể hình thành hai nhóm: Nhóm một với kinh phí hoạt động hoàn toàn nhờ thị trường; nhóm hai có sử dụng ngân sách nhà nước.

*Bốn là*, xã hội hóa các nguồn lực đầu tư cho KH&CN; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, coi đây là nguồn lực chính. Tiến tới đầu tư cho KH&CN chủ yếu từ doanh nghiệp như các nước tiên tiến đã làm.

Theo đó, cần hiểu rõ bản chất hoạt động KH&CN của

doanh nghiệp là phải có hiệu quả thiết thực, nên việc tiếp cận với nghiên cứu KH&CN của doanh nghiệp có những nét riêng so với các tổ chức KH&CN công lập. Khi doanh nghiệp đặt yêu cầu thì cần phải có ngay, nếu chậm cơ hội thị trường sẽ mất đi. Nắm được yếu tố đó chúng ta cần điều chỉnh làm sao cho kinh phí của doanh nghiệp dành cho KH&CN ngày một nhiều hơn.

Cần phải theo dõi, tổng hợp, phân tích các hoạt động KH&CN không dùng ngân sách nhà nước, tham mưu các giải pháp đột phá trong việc thu hút đầu tư và phát triển KH&CN. Nhiều doanh nghiệp báo cáo đã dành gần 10% lợi nhuận của các doanh nghiệp làm nguồn vốn cho KH&CN.

Thời đại của chúng ta là thời đại mà KH&CN phát triển nhanh. Để KH&CN phát triển, bên cạnh tố chất của con người thì cần phải có thể chế, cơ chế phù hợp để con người có cơ hội phát huy được trí tuệ của mình và đóng vai trò quyết định trong hoạt động KH&CN, trong thời gian tới, nếu có cơ chế, chính sách phù hợp hơn thì KH&CN Việt Nam nhất định sẽ phát triển hơn nữa./.

**Huy Long (t/h)**

*Nguồn: tapchicongsan.org.vn*

# 5 nhiệm vụ Phó Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam được phân công giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), ông đã chỉ ra những nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới cần ưu tiên giải quyết.

Tại lễ bàn giao công tác Bộ trưởng Bộ KH&CN diễn ra ngày 14/4/2016, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam khẳng định, đây là “một nhiệm kỳ có nhiều bước tiến”.

Đánh giá cao nhiệm kỳ công tác của đồng chí Nguyễn Quân, đồng thời cũng chúc mừng tân Bộ trưởng Chu Ngọc Anh đã tiếp nhận công việc từ nhiệm kỳ có bước đột phá từ người tiền nhiệm nhiệm kỳ vừa qua. “Tuy nhiên, đây cũng là trách nhiệm nặng nề của đồng chí tân Bộ trưởng”, Phó Thủ tướng nói.

Bày tỏ sự kính trọng và biết ơn chân thành, sâu sắc đối với đồng chí Nguyễn Quân, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh bày tỏ: “Đối với anh em ở Bộ KH&CN cũng như cá nhân tôi thì đồng chí Nguyễn Quân vẫn mãi luôn là Bộ trưởng mà không có giới hạn của nhiệm kỳ nào cả”.

Tân Bộ trưởng Bộ KH&CN cũng khẳng định sẽ tiếp tục kế thừa kết quả, thành quả hết sức quan trọng của Tư lệnh ngành - Bộ trưởng Nguyễn Quân trong suốt thời gian qua đối với hàng loạt hoạt động khởi xướng cho đổi mới hoạt động KH&CN. Thiết lập cả hành lang, pháp lý, từ tinh thần chỉ đạo chung của Đảng để vào thực tiễn cuộc sống, đồng thời tháo gỡ cả những rào cản vướng mắc, bất cập một cách quyết liệt, năng động và sáng tạo nhất trong suốt thời gian qua, nên chúng ta đã có những bước tiến đối với cộng đồng khoa học và công nghệ, tạo điều kiện cho cộng đồng KH&CN trong và ngoài nước, người dân, các lực lượng xã hội có thêm cơ hội để đóng góp trực tiếp với sự phát triển chung của kinh tế xã hội, của đất nước trong suốt thời gian qua.

Nói về những vấn đề của ngành KH&CN mà tân Bộ trưởng cần ưu tiên giải quyết trong nhiệm kỳ mới, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã nêu ra 5 vấn đề:

**KHCN phải thực sự trở**

**thành quốc sách hàng đầu**

Theo Phó Thủ tướng, lâu nay ai cũng nói KH&CN là quốc sách nhưng trong tất cả các cơ chế, chính sách cuối cùng lại cho thấy KH&CN chưa thực sự là quốc sách.

“Giờ đây nói phải đi đôi với việc làm. Trách nhiệm của các đồng chí và tôi là phải làm sao để cả hệ thống các Bộ, ngành Trung ương lẫn địa phương phải thực sự coi ngành KH&CN là quốc sách”, Phó Thủ tướng nói.

Để làm được điều này, theo Phó Thủ tướng, không thể chứng minh lý thuyết rằng ở nước ngoài KH&CN là quan trọng mà phải chứng minh được bằng hiệu quả thực sự của những nguồn lực hiện nay.

“Nếu người ta thấy được hiệu quả thực sự thì KH&CN mới có thể trở thành quốc sách được”, Phó Thủ tướng khẳng định.

**Doanh nghiệp phải là trung tâm của sự đổi mới**

Theo Phó Thủ tướng, cần phải xây dựng một hệ thống sáng tạo quốc gia lấy doanh nghiệp làm trung tâm, cùng với nhà nước và các viện, trường hình thành 3



## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

đỉnh của một tam giác.

“Hiện nay, trong hệ thống sáng tạo của chúng ta thì các viện (nghiên cứu) là trung tâm còn Nhà nước ở trên rót ngân sách xuống. Trong khi đó, doanh nghiệp và các trường đại học thì chỉ đứng bên cạnh quan sát”, Phó Thủ tướng nói.

### **Công khai, minh bạch toàn bộ nghiên cứu khoa học**

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cho rằng, Bộ KH&CN cần phải là Bộ có phương thức quản lý khoa học, áp dụng công nghệ đi đầu trong chính phủ về việc quản lý KH&CN. Điều này cần phải được thực hiện từ những việc bé nhất như họp giao ban, hội nghị...

Một vấn đề liên quan tới quản lý mà theo Phó Thủ tướng là rất quan trọng và đang khiến nhiều người nhìn thấy ngành KH&CN hoạt động chưa hiệu quả là vấn đề công khai, minh bạch các nghiên cứu.

“Vì sao KH&CN chưa được coi là quốc sách? Vì hiệu quả sử dụng nguồn lực của ngành chưa thực sự đến được với xã hội như xã hội mong muốn”, Phó Thủ tướng nói. “Một trong những công cụ để làm được hiệu quả như vậy là phải công khai toàn bộ, từ đăng ký đề tài nghiên cứu cho tới các ý kiến phản biện phải công khai”.

Phó Thủ tướng khẳng định, vấn đề công khai phải



*Lễ ký kết chuyển giao công việc giữa ông Nguyễn Quân và Bộ trưởng Chu Ngọc Anh*

được coi là “chỉ thị” và “nhất định trong nhiệm kỳ này phải làm. Không làm được thì thuê ngoài”.

### **KH&CN địa phương phải đáp ứng yêu cầu thực tiễn**

Phó Thủ tướng cho biết, năm nào lãnh đạo Bộ KH&CN cũng phải đau đầu vì ngân sách cấp cho ngành không đủ 2% (GDP), nhưng một trong những lý do không được cấp 2% là vì nhiều địa phương không tiêu hết tiền ngân sách do không xác định được nhiệm vụ dùng vốn KH&CN cộng thêm các thủ tục thanh quyết toán phức tạp.

Phó Thủ tướng cho rằng, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh từng công tác tại địa phương, nắm được hơi thở cuộc sống có thể làm tốt công việc này, để KH&CN

ở các địa phương đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn tại địa phương đó.

Phó Thủ tướng cũng chỉ đạo, KH&CN nói chung phải bám sát thực tiễn chứ không cần thuộc về đa số. Chính vì vậy, Bộ KH&CN cần phải đưa ra khung chính sách để cả cả xã hội cùng cố vũ cái mới khi có cơ sở khoa học rõ ràng.

### **Quản lý, định hướng khoa học xã hội**

Vấn đề cuối cùng Phó Thủ tướng nói đến là việc khoa học xã hội lâu nay chưa được Bộ KH&CN chú trọng và định hướng. Phó Thủ tướng cũng cho rằng, đây là vấn đề khó không phải một nhiệm kỳ là có thể làm được song ông mong muốn Bộ KH&CN lưu ý thực hiện./.

**Nguyễn Tươi (t/h)**

# ISO 22000, CÔNG CỤ GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

**Mạc Thị Kim Thoa**

*Trưởng phòng Quản lý đo lường*

**T**heo Báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho thấy, mỗi năm trên thế giới có khoảng 600 triệu người (chiếm 10% dân số thế giới) mắc các bệnh liên quan đến thực phẩm độc hại, trong đó có 420.000 ca tử vong.

Tại Việt Nam, theo thống kê của Bộ Y tế, trong năm 2015, toàn quốc ghi nhận 171 vụ ngộ độc thực phẩm với 4.965 người mắc và 23 trường hợp tử vong, so với năm 2014, số vụ giảm 22 vụ (11,4%), số mắc giảm 237 người (4,6%) và số tử vong giảm 19 người (45,2%).

Vấn đề an toàn thực phẩm đòi hỏi không chỉ các cơ quan quản lý phải có trách nhiệm đối với vấn đề kiểm soát mà các doanh nghiệp, hộ kinh doanh về thực phẩm cần có trách nhiệm hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo an toàn sức khỏe con người. Tiêu chuẩn ISO 22000 là một giải pháp hữu ích cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh về thực phẩm để

kiểm soát vấn đề này.

## **ISO 22000 là gì?**

ISO 22000 là tiêu chuẩn quốc tế kết hợp và bổ sung các yếu tố trọng tâm của ISO 9001 (hệ thống quản lý chất lượng) và HACCP (hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm) để cung cấp khuôn khổ làm việc hiệu quả nhằm triển khai, áp dụng và cải tiến liên tục hệ thống an toàn thực phẩm (Food Safety Management System). Tiêu chuẩn ISO 22000 do Ban Kỹ thuật 34 của tổ chức ISO ban hành năm 2005.

*Một số lợi ích cụ thể khi áp dụng ISO 22000 là:*

- Giảm giá thành sản phẩm do giảm chi phí xử lý sản phẩm sai hỏng, chi phí và thời gian đánh giá thử nghiệm trong quá trình giao nhận, đấu thầu;

- Có thể được xem xét miễn, giảm kiểm tra khi có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HTQL), chứng nhận hợp chuẩn hoặc hợp quy;

- Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, chứng nhận HTQL chất lượng là bằng chứng tin cậy và được chấp nhận trong đấu thầu;

- Gia tăng cơ hội cạnh tranh trên thị trường với bằng chứng được thừa nhận về sự phù hợp với một tiêu chuẩn đã được chấp nhận ở cấp độ quốc gia, khu vực hay quốc tế;

- Đáp ứng các yêu cầu luật định của quốc gia và có cơ hội để vượt qua rào cản kỹ thuật của nhiều thị trường trên thế giới với các thỏa thuận thừa nhận song phương và đa phương;

- Sử dụng kết quả chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, chứng nhận hệ thống quản lý trong công bố hợp chuẩn, hợp quy;

- Có được niềm tin của khách hàng, người tiêu dùng và cộng đồng.

- Thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về chất lượng và an toàn của sản phẩm.

**Các nguyên tắc của ISO 22000:**

*Nguyên tắc 1: Tiến hành*



phân tích mỗi nguy hại.

Xác định các mối nguy tiềm ẩn ở mọi giai đoạn ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm từ sơ chế, chế biến, phân phối cho tới khâu tiêu thụ cuối cùng. Đánh giá khả năng xuất hiện các mối nguy và xác định các biện pháp kiểm soát chúng.

**Nguyên tắc 2:** Xác định các điểm kiểm soát tới hạn (CCP: Critical Control Points).

Xác định các điểm kiểm soát tới hạn tại từng công đoạn của chuỗi cung ứng thực phẩm cần được kiểm soát để loại bỏ các mối nguy hoặc hạn chế khả năng xuất hiện của chúng.

**Nguyên tắc 3:** Xác lập các ngưỡng tới hạn.

Xác định các ngưỡng tới hạn không được vượt quá nhằm đảm bảo không chế có hiệu quả các điểm kiểm soát tới hạn.

**Nguyên tắc 4:** Thiết lập hệ thống giám sát các điểm kiểm soát tới hạn.

Xây dựng hệ thống các chương trình thử nghiệm hoặc quan sát nhằm giám sát tình trạng của các điểm kiểm soát tới hạn.

**Nguyên tắc 5:** Xác định các hoạt động khắc phục cần phải tiến hành khi hệ thống giám sát cho thấy tại một điểm kiểm soát tới hạn nào đó không được thực hiện đầy đủ.

**Nguyên tắc 6:** Xác lập các thủ tục kiểm tra để khẳng định hệ thống HACCP đang hoạt động có hiệu quả.

**Nguyên tắc 7:** Thiết lập hệ thống tài liệu liên quan đến mọi thủ tục, hoạt động của chương trình HACCP phù hợp với các nguyên tắc trên và các bước áp dụng chúng.

**Đề áp dụng thành công hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005 cần các điều kiện như sau:**

Cam kết của lãnh đạo đối với thực hiện chính sách an toàn thực phẩm và kiên trì theo đuổi đến cùng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm là điều kiện quan trọng nhất đối với sự thành công của ISO 22000:2005.

Sự tham gia tích cực và hiểu biết của mọi thành viên trong cơ sở sản xuất thực phẩm đảm bảo hệ thống quản lý an toàn thực phẩm vận hành, duy trì và cải tiến có hiệu lực và hiệu quả.

Công nghệ hỗ trợ: ISO 22000:2005 được áp dụng cho mọi loại hình tổ chức. Tuy nhiên, ở các cơ sở sản xuất thực phẩm có công nghệ phù hợp với các yêu cầu của dây chuyền thực phẩm cũng như các PRPs (Các chương trình tiên quyết hay các điều kiện cơ bản và hoạt động cần thiết để duy trì một môi trường vệ sinh xuyên suốt chuỗi thực phẩm) áp dụng trong ISO 22000:2005 sẽ được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

▪ Chú trọng cải tiến liên tục: Các hành động cải tiến từng bước hay đổi mới đều mang lại lợi ích nếu được

thực hiện thường xuyên đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực này.

Trong thời gian qua, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm đã được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện thông qua việc ban hành nhiều chính sách liên quan như Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 11/8/2011 về việc hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Kế hoạch số 891/KH-UBND ngày 7/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai Kế hoạch tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016... cho thấy sự quyết tâm của các cấp, các ngành trong việc bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Về số doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý ISO 22000, hiện Bắc Giang có chưa đến 10 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 22000. Các doanh nghiệp này chủ yếu là doanh nghiệp sản xuất về nước uống, thực phẩm tập trung tại huyện Việt Yên, Lạng Giang, Lục Ngạn và thành phố Bắc Giang./.



# Vai trò nhóm lửa và thổi lửa CỦA NHÀ NƯỚC

**T**heo các chuyên gia, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo là chìa khóa mở ra con đường ngắn nhất để xây dựng thành công quốc gia khởi nghiệp. Trong đó, Nhà nước là người nhóm lửa và thổi lửa, còn khu vực tư nhân là nền tảng, trụ cột để mở ra, nhân rộng, tạo thành “bếp lửa”, “cánh đồng lửa” của sự phát triển khởi nghiệp.

## Môi trường khởi nghiệp thiếu dinh dưỡng

Nhiều doanh nghiệp, nhiều nhà quản lý đã thấy hệ sinh thái khởi nghiệp tại nước ta mới chỉ manh nha hình thành và cũng chưa đủ dinh dưỡng để có thể ươm tạo thành công các doanh nghiệp khởi nghiệp quy mô lớn. Các yếu tố của hệ sinh thái khởi nghiệp như chấp nhận rủi ro, mức độ quốc tế hóa, kỹ năng khởi nghiệp, khả năng cạnh tranh, cơ hội khởi nghiệp, khả năng nhận biết và nắm bắt cơ hội còn

dưới mức trung bình thế giới và khu vực. Theo chỉ số kinh doanh toàn cầu GEM, chỉ số của nước ta ở mức rất thấp, thậm chí thấp hơn nhiều nước trong khu vực như Lào và Campuchia.

Nguyên nhân của việc hệ sinh thái khởi nghiệp chưa định hình là do chưa có khung pháp lý để hình thành các vườn ươm công nghệ, bao gồm việc thành lập, vận hành vườn ươm; thực thi các vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ, thỏa thuận chuyển giao công nghệ từ trường đại học đến doanh nghiệp vẫn còn chưa đồng bộ. Chưa kể, các loại hình công nghệ ươm tạo còn chưa đa dạng, chủ yếu là công nghệ thông tin.

Chúng ta cũng chưa có các nhà đầu tư để hỗ trợ các startup ở giai đoạn đầu khởi nghiệp. Theo nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Quân, ở Việt Nam hiện chưa có quỹ đầu tư mạo hiểm nào đúng nghĩa mà có sử dụng ngân sách. Việc thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm chưa khả

thi do vướng một số luật như Bộ luật Hình sự, Luật Ngân sách nhà nước. Bởi nhiều ý kiến cho rằng, nếu đầu tư mạo hiểm sử dụng ngân sách nhà nước mà không thành công thì cũng rất gần với tội tham nhũng, lãng phí, gây thất thoát ngân sách của nhà nước. Do đó, các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam phải đi tìm kiếm nguồn vốn đầu tư bên ngoài nhưng còn rất hạn chế.

Cá nhân hay doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ thuận lợi và thành công hơn nếu khởi phát trên nền tảng quốc gia khởi nghiệp. Những quốc gia có phong trào khởi nghiệp thành công thì vai trò nhà nước là rất quan trọng trong việc kiến tạo hệ sinh thái khởi nghiệp, từ chính sách, giáo dục đến thúc đẩy hình thành các quỹ đầu tư. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, chúng ta còn thiếu một chương trình tổng thể khởi nghiệp quốc gia.

## Xây dựng chương trình khởi nghiệp quốc gia

Để thúc đẩy doanh



ngiệp khởi nghiệp, TS. Lưu Bích Hồ, nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển cho rằng, cần xây dựng và vận hành tốt hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp trong cả nước. Trong quá trình xây dựng hệ sinh thái với vai trò trung tâm là doanh nghiệp thì một việc rất quan trọng, có tính quyết định là sự kết nối. Kết nối doanh nghiệp - viện nghiên cứu, trường đại học - các tổ chức có liên quan của cả Nhà nước và xã hội... là những mối quan hệ ngang, gắn hữu cơ với những mối quan hệ dọc là từ thể chế chính sách đến hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.

TS Lưu Bích Hồ nhấn mạnh: “Nhà nước có vai trò kiến tạo, bà đỡ cho hoạt động doanh nghiệp khởi nghiệp, tiến tới quốc gia khởi nghiệp. Vai trò này đặc biệt nổi bật khi công việc bắt đầu, Nhà nước là người nhóm lửa và thổi lửa. Đồng thời khu vực tư nhân là nền tảng, trụ cột để mở ra, nhân rộng, tạo thành “bếp lửa”, “cánh đồng lửa” của sự phát triển khởi nghiệp. Do đó, các vườn ươm, các quỹ đầu tư, các hoạt động phục vụ cho khởi nghiệp do khu vực tư nhân này làm là chủ yếu, phải được tạo điều kiện và khuyến khích thật mạnh, kể cả những giải pháp đặc biệt vượt quá khung pháp

luật hiện hành và cũng cho phép thí điểm, rồi đúc kết để hoàn chỉnh pháp luật và triển khai rộng.”

Tại hội thảo “Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đổi mới, phát triển doanh nghiệp” diễn ra mới đây, TS. Nguyễn Quốc Toàn, Phó Chánh Văn phòng, Ban Kinh tế Trung ương đề xuất ban hành Kết luận hoặc Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề khởi nghiệp trong nền kinh tế, xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia khởi nghiệp trong điều kiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó cần coi phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo là chìa khóa mở ra con đường ngắn nhất để xây dựng thành công quốc gia khởi nghiệp.

Trên cơ sở đó, Chính phủ nghiên cứu xây dựng chương trình tổng thể khởi nghiệp quốc gia, có các nhóm giải pháp trợ giúp thành lập các doanh nghiệp mới dựa trên nền tảng sáng tạo công nghệ; phát triển mạnh mẽ số lượng hiện tại các doanh nghiệp khởi nghiệp bằng khoa học và công nghệ, làm cơ sở để Việt Nam xây dựng một cộng đồng khởi nghiệp mạnh; khuyến khích hình thành các Quỹ Đầu tư tư nhân, Quỹ Đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực khoa học và

công nghệ; ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về thủ tục đầu tư, thuế, thương mại hóa sản phẩm công nghệ. Hình thức đầu tư có thể là đầu tư tư nhân hoặc liên kết với Nhà nước; Nhà nước đóng vai trò thành lập và rót vốn ban đầu.

Cũng theo TS. Nguyễn Quốc Toàn, nhà nước cần đóng vai trò bà đỡ trong việc ban hành chính sách và hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, mà trước hết là vườn ươm công nghệ. Đồng thời, thành lập các Quỹ hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước dành riêng cho doanh nghiệp khởi nghiệp như Quỹ Đầu tư tác động; Quỹ Sáng kiến giai đoạn đầu; các Quỹ Đầu tư mạo hiểm theo ngành nghề và các Quỹ Đầu tư rủi ro.

Trong đó, xem xét xây dựng Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp theo mô hình hợp tác công - tư thuộc Chính phủ để kêu gọi vốn đầu tư, tài trợ từ các thành phần xã hội cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng. Bên cạnh nguồn vốn nhà nước, cần có các điều kiện thuận lợi về mặt thể chế để khuyến khích nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, hình thành các quỹ đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp./.

**HT (t/h)**



# TRUYỀN THÔNG - TRÁI TIM CỦA KHOA HỌC

**T**ruyền thông khoa học và công nghệ (KH&CN) đang ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong việc đưa các thông tin, kết quả nghiên cứu của KH&CN đi vào đời sống. Nhưng lĩnh vực này đang gặp không ít thách thức trên con đường thực hiện sứ mệnh của mình.

**Tầm quan trọng của truyền thông KH&CN**

Truyền thông là một hoạt động có mối quan hệ chặt chẽ với KH&CN và được đánh giá là một trong ba trụ

cột của lĩnh vực KH&CN, bên cạnh các trụ cột đổi mới và ứng dụng. Bởi chính nhờ truyền thông KH&CN mà các thông tin KH&CN được phổ biến và đi vào đời sống xã hội.

“Truyền thông là trái tim của khoa học, có vai trò vô cùng quan trọng trong việc công bố kiến thức mới và truyền bá tri thức đến các nhà khoa học và phổ biến ra xã hội” - tiến sĩ Myrtani Pieri thuộc Đại học Cyprus (Cộng hòa Síp), người từng đoạt giải nhất trong cuộc thi truyền thông khoa học quốc

tế FameLab năm 2011 nói.

Thông qua truyền thông, các nghiên cứu, thử nghiệm và khả năng đóng góp của KH&CN được xã hội biết đến nhiều hơn. Từ đó sẽ đem lại cơ hội cho các nhà khoa học nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ đầu tư tốt hơn. Nhưng quan trọng hơn, các công trình và kết quả nghiên cứu sẽ được truyền thông tới các nhà hoạch định chính sách, góp phần lấp đầy khoảng cách giữa tri thức với ứng dụng tri thức, đưa ứng dụng KH&CN vào chiến lược phát triển của đất nước cả về



kinh tế và xã hội một cách bền vững.

“Truyền thông là cầu nối quan trọng giữa việc tạo ra tri thức mới và ứng dụng các tri thức này vào thực tiễn và chính sách” - David Dickson - người sáng lập mạng lưới khoa học và phát triển SciDev.Net nhận định.

Không chỉ thế, truyền thông KH&CN còn là một cách thức quan trọng để nâng cao dân trí, mang đến cho chúng ta những thông tin chính xác, tạo ra căn cứ để đưa ra các quyết định đúng đắn. Đồng thời, nó cũng giúp cho việc chống lại các thông tin và quan niệm sai lầm đang diễn ra khi công chúng chưa tìm được câu trả lời. Có thể nói truyền thông giúp nâng tầm, khiến KH&CN càng trở nên có giá trị hơn đối với xã hội.

### **Khoa học và báo chí - như nước với dầu?**

Các nhà nghiên cứu về truyền thông KH&CN đã sử dụng các cụm từ ẩn dụ để đặc chỉ mối quan hệ giữa khoa học và truyền thông như “khoảng cách”, “rào cản”, thậm chí nhà khoa học Mỹ McCall, R.D còn từng ví von rằng khoa học và báo chí (một kênh của truyền thông) không khác gì “dầu” và “nước”, tuy gần nhau mà khó hòa quyện được.

Kết quả phỏng vấn bằng bảng hỏi/đáp đối với nhóm nhà khoa học chuyên về thần kinh ở Mỹ và Đức trong những năm 2011 và 2012

cho thấy, có tới 50,9% và 42,9% không đồng ý cung cấp thông tin về các nghiên cứu mà chưa được công bố trong các ấn phẩm khoa học chuyên biệt. Đáng chú ý, còn có 51,8% và 61,0% số nhà khoa học cho rằng việc công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành khoa học sẽ bị “đe dọa” nếu như nó được đưa lên các phương tiện truyền thông đại chúng. Bởi lẽ họ e ngại các kết quả khoa học sẽ có thể không được hiểu và thông tin đúng.

Cho nên, việc tương tác thường xuyên giữa các nhà khoa học và giới truyền thông vẫn còn hạn chế. Khảo sát 1.600 nhà nghiên cứu ở Đức, 216 nhà khoa học thần kinh ở Mỹ và 280 nhà khoa học đời sống ở Đài Loan (Trung Quốc) trong các năm 2011-2012 cho thấy, số nhà khoa học tương tác thường xuyên với báo chí chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ từ 16-35%.

Tất nhiên, khoảng cách này cũng bắt nguồn từ chính phía các nhà truyền thông. Các nhà truyền thông thường kỳ vọng và quan tâm tới các nghiên cứu có thể đúc rút ra những thông điệp dễ hiểu đối với người nghe hoặc những đột phá mới lạ của khoa học. Trong khi không phải lúc nào khoa học cũng tạo ra những đột phá mới, cũng hay, độc, lạ.

Sự liên kết còn hạn chế giữa KH&CN và truyền thông ảnh hưởng không nhỏ

tới việc phổ biến tri thức. Nghiên cứu mới của Hiệp hội Vì sự tiến bộ khoa học Mỹ (AAAS) cho thấy, người Mỹ có kiến thức hạn chế về khoa học bắt nguồn từ các nguyên nhân, trong đó có 43% do thiếu sự quan tâm của truyền thông đối với lĩnh vực khoa học và 40% do có quá ít nhà khoa học công bố các phát hiện của họ trên truyền thông.

Mặt khác, nếu các nhà khoa học không có kỹ năng truyền thông thì việc chuyển tải những ý tưởng và thông tin khoa học phức tạp có thể sẽ sa lầy trong các thuật ngữ và nguyên lý chuyên biệt, khiến cho công chúng khó có thể hiểu được. Nói cách khác, khi chưa được đào tạo kỹ năng truyền thông thì các nhà khoa học tham gia truyền thông sẽ không có hiệu quả. Trong khi đó, kỹ năng này lại là thế mạnh của giới truyền thông nhưng nhiều khi họ lại thiếu sự cố vấn của các chuyên gia cũng như hiểu biết về tri thức khoa học.

### **Giải pháp vượt qua thách thức**

Để vượt qua được những thách thức trên, vấn đề mấu chốt vẫn là sự tăng cường kết nối giữa nhà khoa học và nhà truyền thông, qua nhiều kênh khác nhau - từ sách, tạp chí, báo, website, truyền hình... từ đó hình thành nên mối liên hệ mật thiết giữa truyền thông và khoa học, biến truyền thông trở thành một bộ phận không thể

thiếu của khoa học.

“Khoa học và truyền thông phải tạo thành một liên minh quan trọng, đặc biệt trong việc phục vụ mục tiêu phát triển. Tất nhiên, để liên minh này thực hiện hiệu quả không phải là việc dễ dàng, đặc biệt ở những nơi mà nhà khoa học và nhà báo lại có xu hướng mất niềm tin vào nhau. Nhưng sự liên minh này là cần thiết nếu để đạt được mục tiêu phát triển bền vững ở những nước đã phát triển và đang phát triển” - David Dickson - người sáng lập mạng lưới khoa học SciDev.Net nói.

Tại nhiều nước phát triển như Anh, Pháp, Đức... ngoài việc thành lập các trung tâm truyền thông KH&CN, họ còn thiết lập các hiệp hội bao gồm cả nhà báo và nhà khoa học cùng làm việc, gặp gỡ để hiểu biết về nhau hơn. Đặc biệt, các quốc gia này đã chú trọng tới việc đào tạo các nhà khoa học tương lai như học sinh, sinh viên những kỹ năng truyền thông. Sự rèn luyện các kỹ năng truyền thông không chỉ qua các bài giảng mà qua chính các hoạt động như tổ chức hội trại khoa học, làm tình nguyện viên hướng dẫn trong các bảo tàng khoa học hoặc tổ chức các chuyến tham quan, giới thiệu về các phòng thí nghiệm.

Ngoài ra, ở những nước phát triển, các nhà khoa học cũng được khuyến khích tham gia nói chuyện với

công chúng, nhất là những người nghe không phải là nhà khoa học. Qua đó, các nhà khoa học cũng rèn luyện được khả năng nói trước rất nhiều người nghe, trong số đó không ít người có kiến thức hạn chế về khoa học./.

Các tổ chức kết nối khoa học và truyền thông trên thế giới

- Pháp: Tổ chức AJSPI hình thành nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhà khoa học và nhà báo. AJSPI thường xuyên giúp báo giới trải nghiệm trong các phòng thí nghiệm, còn nhà khoa học sẽ có cơ hội làm việc trong các tổ chức truyền thông.

- Anh: Tổ chức BAAS giúp cho các nhà nghiên cứu có được trải nghiệm về các công việc truyền thông như in ấn, phát thanh và đưa các tin tức trực tuyến như Nature, BBC News Online và BBC Television.

- Đức: Tổ chức EICOS giúp cho giới truyền thông tham gia các phòng nghiên cứu để tiến hành đối thoại với các nhà khoa học. Nhà báo sẽ hiểu hơn về các công việc và thái độ của nhà khoa học. Ngược lại nhà khoa học có thể biết được những ảnh hưởng của truyền thông đối với các vấn đề khoa học.

**Trang Trần (t/h)**

### **Tiếp trang 17**

đã được bảo hộ CDĐL là vải thiều Lục Ngạn, đồng thời xúc tiến xây dựng và phát triển một số thương hiệu mới. Nhiều sản phẩm sẽ được quan tâm đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể như: Bánh đa nem Thổ Hà, lạc đỗ Việt Yên, chè Yên Thế, nếp cái hoa vàng Thái Sơn (Hiệp Hòa), dưa và na dai Lục Nam...

Thực tế hiện nay, quy mô canh tác, kinh doanh các sản phẩm này còn nhỏ lẻ trong khi địa danh được sử dụng cho đặc sản địa phương là tài sản có thể đem lại lợi ích to lớn cho cộng đồng. Kinh nghiệm xây dựng và phát triển CDĐL vải thiều Lục Ngạn thành công là chính quyền địa phương làm nòng cốt, có sự hỗ trợ đắc lực từ Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp tích cực tham gia.

Vì vậy, các địa phương cần có chính sách phát triển nông sản đặc trưng vùng gắn với kế hoạch xây dựng, phát triển, bảo vệ tài sản đó, trong đó đặc biệt coi trọng cơ quan chức năng, doanh nghiệp trong xác lập CDĐL./.

**Văn Bằng (t/h)**

# Bắc Giang đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ

**K**hoa học và công nghệ (KH&CN) luôn được xác định giữ vai trò then chốt trong công cuộc đổi mới của đất nước. Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, KH&CN đã thực sự thúc đẩy sự gia tăng của cải vật chất, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người. Một nền sản xuất phát triển luôn dựa trên một nền KH&CN tiên tiến và ngược lại.

Những năm gần đây, hoạt động KH&CN Bắc Giang đã khẳng định vai trò quan trọng, các đề tài, dự án ứng dụng KH&CN đã tạo ra bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô, chất lượng cũng như hiệu quả sản xuất trên địa bàn. KH&CN ngày càng trở thành lực lượng sản xuất nòng cốt và trực tiếp, là động lực cơ bản cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang.

## Nâng tầm thương hiệu

Những năm qua, Bắc Giang rất quan tâm đến việc đưa công nghệ, kỹ thuật mới vào chế biến nông sản, thực phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần quan trọng hình thành các vùng sản xuất tập trung, xóa bỏ tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, kém hiệu quả. Trình độ canh tác và năng lực sản xuất nông nghiệp hàng hóa của nông dân từng bước được nâng cao; việc ứng dụng công nghệ, giống mới vào sản xuất luôn được người dân quan tâm và đồng tình hưởng ứng, góp phần quan trọng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng tập trung, gắn với xây dựng nông thôn mới...

Đặc biệt, các đề tài, dự án KH&CN thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực, tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa và hình thành vùng sản xuất tập trung như chè, cam (huyện Yên Thế); gạo thơm (huyện Yên Dũng), nấm (huyện Lạng Giang), bưởi (huyện Hiệp Hòa)... từng bước nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác, tác động tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp của địa phương. Nhiều cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu thời vụ được nghiên cứu - ứng dụng vào sản xuất và đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Một trong những sản phẩm thế mạnh của Bắc Giang là kết quả của việc đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong sản xuất, trồng trọt là thương hiệu vải thiều Lục Ngạn. Cụ thể, trong năm 2015, sản lượng vải ước đạt khoảng 190.000 tấn, trong đó, diện tích vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 12.200ha, với sản lượng gần 80.000 tấn. Việc triển khai thực hiện sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn VietGAP đã góp phần tăng giá trị từ 20-30% so với vải thiều sản xuất thông thường, đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, đem lại lợi ích kinh tế lớn cho người dân. Cũng trong năm qua, việc xây dựng mô hình sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP) với diện tích 50ha, đã giúp vải thiều bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu sang Mỹ, Australia, Pháp... Vải thiều Lục Ngạn đã đăng ký bảo hộ thương hiệu chỉ dẫn địa lý thành công tại 5 nước



*Mô hình trồng vải thiều tiêu chuẩn VietGAP  
tại huyện Lục Ngạn, Bắc Giang*

gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Campuchia.

Hay như dự án cấp nhà nước “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế” do Sở KH&CN chủ trì đã góp phần tích cực trong việc phát triển đàn gà của huyện Yên Thế với tổng đàn gia cầm năm 2015 ước đạt 17 triệu con, trong đó đàn gà khoảng 14,5 triệu con. Quy trình chăn nuôi được bảo đảm theo quy trình an toàn sinh học, áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, bảo đảm các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm; tỷ lệ chăn nuôi trang trại và an toàn sinh học năm 2015 ước đạt 30%... Nhờ đó, đến nay gà đồi Yên Thế đã trở thành thương hiệu nổi tiếng, là một trong những sản phẩm mũi nhọn để quảng bá cho

ngành chăn nuôi, trồng trọt của Bắc Giang, được tiêu thụ tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước.

#### **Tạo bước đột phá về năng suất**

Không chỉ tập trung trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng KH&CN còn được chú trọng trong các hướng công nghệ ưu tiên, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi điều kiện biến đổi khí hậu; bảo quản, chế biến nông, lâm sản, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý ô nhiễm môi trường. Đồng thời tiến hành lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gene quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học; tiếp nhận và phát triển công nghệ sản xuất các loại

vật liệu mới từ các nguyên liệu sẵn có của địa phương, sản xuất vật liệu phi gỗ tự nhiên, hỗn hợp với gỗ tự nhiên... Đến nay, UBND tỉnh đã hỗ trợ thực hiện dự án “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu” với tổng kinh phí 4 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương.

Nhằm phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được, giai đoạn 2016-2020, Bắc Giang sẽ đẩy mạnh phát triển KH&CN nhằm hoàn thành các mục tiêu của chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh; tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ KH&CN. Đặc biệt, sẽ ưu tiên áp dụng công nghệ về giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của KH&CN, nhất là trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao tinh thần tự lực, tự cường, sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động KH&CN./.

**NT**

## Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm:

# KHỐ NHƯNG CẦN PHẢI LÂM

**C**hỉ dẫn địa lý (CDĐL) được nhiều quốc gia xây dựng, phát triển và sử dụng như bằng chứng bảo đảm với người tiêu dùng về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm. Đó cũng là công cụ hữu hiệu để quảng bá hình ảnh và nâng cao khả năng cạnh tranh khi tham gia thị trường quốc tế. Bắc Giang có nhiều sản phẩm nổi tiếng song mới có vài thiều Lục Ngạn đăng ký CDĐL.

### Không chỉ có vài thiều Lục Ngạn

Vải thiều Lục Ngạn là nông sản chủ lực của tỉnh được cấp Văn bằng bảo hộ dưới hình thức CDĐL năm 2008. Theo đó, vải thiều Lục Ngạn có sự khác biệt về quy trình sản xuất, cách thức thu hoạch, chất lượng sản phẩm (tươi, khô và chế biến) so với sản phẩm cùng loại ở nơi khác.

Từ khi được bảo hộ, sản phẩm này dễ dàng “vào” hệ thống các siêu thị trong nước, xuất khẩu, tiêu thụ ở các thị trường khó tính, giá

trị nâng lên. Đến nay, vải thiều Lục Ngạn đã được bảo hộ tại Trung Quốc, Nhật Bản, Lào, Campuchia, Hàn Quốc và đang tiếp tục được bảo hộ tại một số nước khác. Quá trình nghiên cứu từ khi vải thiều được công bố CDĐL đến nay, doanh thu từ cây trồng này tăng nhanh dù diện tích giảm.

Ông Nguyễn Văn Xuất, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ khẳng định, CDĐL xác định được nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, chỉ rõ chất lượng, nét đặc trưng của vải thiều Lục Ngạn, trở thành lợi thế phát huy khả năng cạnh tranh của sản phẩm này trong hội nhập.

Lợi ích từ việc xác lập CDĐL rất lớn, nhưng ngoài vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang có rất nhiều đặc sản nổi tiếng, giá trị xuất khẩu cao chưa được bảo hộ như: Mây tre đan Tăng Tiến (Việt Yên); gà đồi Yên Thế; nếp cái hoa vàng Phì Điền, mỳ Chũ (Lục Ngạn); lợn sạch Tân Yên; rượu Vân, bánh đa nem Thổ Hà (Việt Yên);

tương Trí Yên, gạo thơm Yên Dũng (Yên Dũng)...

### Giá trị nằm ở công đoạn chế biến, phân phối

Qua phân tích, trung bình giá trị tạo ra ở nơi xuất xứ sản phẩm nhỏ hơn 10%, còn hơn 65% giá trị nằm ở công đoạn chế biến, phân phối tại các thị trường tiêu thụ. Do vậy, việc xác lập CDĐL ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn, nhất là trong hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, việc xây dựng và các bước tiến hành để đạt CDĐL tương đối công phu, tốn kém chi phí.

Theo ông Hoàng Công Bình, Trưởng Phòng Quản lý chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ), thông thường, để được cấp “văn bằng” phải trải qua nhiều công đoạn từ điều tra vùng sản xuất, quy trình kỹ thuật trồng trọt, canh tác; điều tra thực trạng thu hoạch, chế biến bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; điều tra, thu thập thông tin thị trường tiêu thụ.

Bên cạnh đó, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng cơ sở khoa học để xúc tiến việc





Vùng vải thiều GlobalGAP xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn

đăng ký CDĐL; hệ thống tem nhãn, bao bì sản phẩm và phương tiện quảng bá. Quá trình này mất khá nhiều thời gian và công sức, thường từ 2-3 năm với chi phí có thể lên đến hàng tỷ đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập, sản phẩm được cấp CDĐL dễ dàng giao thương, xuất khẩu bền vững, mang lại hiệu quả cao.

Chúng ta đã có nhiều bài học quý từ việc chưa quan tâm đúng mức đến đăng ký CDĐL. Ở trong nước, nhiều sản phẩm dù được bảo hộ nhưng vẫn bị làm giả, làm nhái hoặc mượn danh để gắn vào sản phẩm khác. Ví như “Vải thiều Lục Ngạn” bày bán tràn lan nhưng để mua được đúng sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ do Hội Sản xuất và Tiêu thụ vải thiều Lục Ngạn cung cấp với

bao gói, mẫu mã, chất lượng đã được công bố cũng không dễ vì bị mượn danh rất nhiều.

Vì vậy, khi đã có CDĐL, không chỉ chính quyền địa phương, doanh nghiệp liên quan trực tiếp tới vải thiều Lục Ngạn mà các sở, ban, ngành liên quan như: Nông nghiệp và PTNT (giống, thuốc bảo vệ thực vật, quy trình sản xuất...); Công Thương, Hải quan, Khoa học và Công nghệ (nhãn mác, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn xuất khẩu...) cần không ngừng nâng cao trách nhiệm quản lý và phát triển CDĐL này, nâng tầm thương hiệu vải thiều Lục Ngạn.

**Chính quyền địa phương, doanh nghiệp cùng “vào cuộc”**

Theo quy định, việc đăng ký CDĐL thuộc về tổ chức

đại diện hoặc cơ quan quản lý hành chính thực hiện, còn quyền sử dụng CDĐL là mọi tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất hàng hóa mang chỉ dẫn đó tại lãnh thổ quốc gia, vùng hoặc địa phương tương ứng. Vì thế trong hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, chính quyền phải nỗ lực hơn trong xây dựng, thực hiện CDĐL cho các sản phẩm đặc trưng.

Xác định tầm quan trọng đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2014-2020, trong đó nêu rõ phải tăng cường giám sát, thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả sản phẩm chủ lực

*(Xem tiếp trang 13)*



# 10 sự kiện khoa học và công nghệ Việt Nam nổi bật trong năm 2015

Chiều 23/12, tại Hà Nội, Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam (Hội Nhà báo Việt Nam) phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN (Bộ KH&CN) tổ chức công bố 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2015. Đây là năm thứ 10 sự kiện được diễn ra nhằm tôn vinh cá nhân, tập thể nghiên cứu khoa học đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận trong năm qua.

## Lĩnh vực cơ chế chính sách

*1. Thủ tướng Chính phủ gặp mặt các nhà khoa học không chuyên nghiệp và nhà khoa học trẻ*

Ngày 12/5/2015, tại Hà Nội, lần đầu tiên Bộ KH&CN tổ chức buổi “Gặp mặt các nhà sáng chế không chuyên nghiệp tiêu biểu năm 2015” và ngày 11/9/2015, tổ chức buổi “Gặp mặt các nhà khoa học trẻ tiêu biểu năm 2015”. Việc Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tham dự cả hai cuộc gặp mặt nói trên đã khẳng định sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với các nhà khoa học không chuyên nghiệp và nhà khoa học trẻ. Đây là dịp để các nhà khoa học báo cáo kết quả hoạt động của mình, đồng thời

cũng kiến nghị với Đảng và Nhà nước những cơ chế, chính sách phù hợp từ đó có thể đóng góp nhiều hơn cho đất nước và cho nền khoa học.

## *2. Ngày hội Khởi nghiệp và Công nghệ Việt Nam 2015*

Từ ngày 15 đến 17/5/2015, Bộ KH&CN tổ chức tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp và Công nghệ Việt Nam 2015 (TECHFEST VIETNAM 2015) tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngày hội lần đầu được tổ chức đã thu hút được hơn 1.000 lượt đại biểu là cán bộ quản lý, các nhà KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp, các nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm và các cơ sở ươm tạo nổi tiếng trên thế giới. Đặc biệt, có hơn 50 doanh nghiệp khởi nghiệp KH&CN

tham gia triển lãm sản phẩm và kết nối đầu tư. Sau sự kiện nói trên nhiều đơn vị đã tổ chức hàng loạt hội thảo để kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước với các nhà đầu tư trong nước và trên thế giới.

## *3. Khánh thành Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao và giám định công nghệ tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc*

Ngày 29/10, UBND thành phố Hà Nội tổ chức khánh thành Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao và giám định công nghệ tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (huyện Thạch Thất, Hà Nội). Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao và giám định công nghệ rộng 2,1ha, là khu phức hợp liên thông về KH&CN lớn nhất cả nước, đáp ứng chỗ

làm việc cho 200 nhà khoa học. Trung tâm sẽ là nơi nghiên cứu trọng điểm của cả nước, nơi tập trung các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam với quốc tế.

**Lĩnh vực KH&CN ứng dụng**

*4. Lần đầu tiên ghép thận thành công từ người cho tim ngừng đập*

Ngày 18/6/2015, Bệnh viện Chợ Rẫy (thành phố Hồ Chí Minh) đã ghép thận thành công cho hai người bệnh suy thận mãn tính giai đoạn cuối với nguồn tạng từ người cho tim ngừng đập, máu ngừng tuần hoàn. Đây là trường hợp đầu tiên tại Việt Nam ghép tạng lấy từ người hiến tim ngừng đập. Đây cũng là kết quả của đề tài KH&CN cấp Nhà nước “Nghiên cứu triển khai ghép thận từ người cho tim ngừng đập”, mã số KC.10.28/11-15 (do PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn làm chủ nhiệm). Thành công của đề tài đem lại hy vọng cho hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người bệnh có nhu cầu ghép thận, giảm chi phí cho họ khi phải ra nước ngoài điều trị.

*5. Cấu kiện lắp ghép bảo vệ bờ sông, hồ và đê biển*

Giải pháp công nghệ: “Cấu kiện lắp ghép bảo vệ bờ sông, hồ và đê biển” của Công ty TNHH Nhà nước MTV Thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BUSADCO) thể hiện tính mới, tính sáng tạo chưa từng có tại Việt Nam và trên thế giới. Giải pháp sử dụng hệ liên kết lắp ghép đồng bộ: Hình khối, cột trụ, đà giằng



*Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cùng với 70 nhà khoa học trẻ trong buổi gặp mặt*

nhằm giữ ổn định, kết cấu lắp ghép chống dấy, chống trượt, chống xói chân... Sản phẩm được đúc sẵn trong nhà máy, kiểm soát được chất lượng và tiến độ. Bên cạnh đó, tiến độ thi công chỉ bằng 1/3 thời gian so với giải pháp truyền thống do khắc phục được bất lợi về thời tiết, khí hậu, thủy văn. Thuận tiện cho công tác vận hành, duy tu, duy trì, bảo dưỡng. Giảm chi phí đầu tư ít nhất 20% so với giải pháp truyền thống.

*6. Bản trình diễn thành công vũ khí mới*

Sáng 18/9/2015, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng tổ chức bản trình diễn vũ khí mới. Đây là sản phẩm của Đề án KC.NQ06 và một số nhiệm vụ độc lập cấp Bộ Quốc phòng do Tổng cục chủ trì nghiên cứu, thiết kế và chế thử. Với sự chuẩn bị chu đáo và chấp hành nghiêm các quy tắc trong quá trình thực hành bắn, buổi bắn

trình diễn đã thành công tốt đẹp, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Hầu hết các sản phẩm của Đề án KC.NQ06 và một số đề tài độc lập có mức chất lượng tiệm cận chất lượng sản phẩm cùng loại của nước ngoài và có độ tin cậy cao, phù hợp điều kiện tác chiến của Việt Nam.

**Lĩnh vực tôn vinh nhà khoa học**

*7. Nhà khoa học nữ Việt Nam đầu tiên nhận giải thưởng L'Oréal - UNESCO*

Ngày 18/3/2015, tại trụ sở UNESCO ở Thủ đô Paris (Pháp), Tiến sĩ Trần Hà Liên Phương, giảng viên Khoa Công nghệ Y sinh trường Đại học Quốc tế (Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) đã vinh dự được nhận Giải thưởng “Nhà khoa học trẻ tài năng của thế giới” của Quỹ L'Oréal-UNESCO (Vì sự phát triển của phụ nữ trong khoa học) cho công trình nghiên cứu điều trị



ung thư. Phát biểu tại buổi lễ nhận giải, tiến sĩ Trần Hà Liên Phương nhấn mạnh sự cần thiết phải tạo ra các loại thuốc không chỉ có tính hiệu quả, mà còn phải có giá thành phù hợp vì lợi ích của người bệnh ở các nước đang phát triển. Hướng nghiên cứu này sẽ đóng góp hiệu quả trong công tác điều trị bệnh ung thư ở Việt Nam.

### Lĩnh vực hội nhập quốc tế

8. Việt Nam vào top 3 ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu

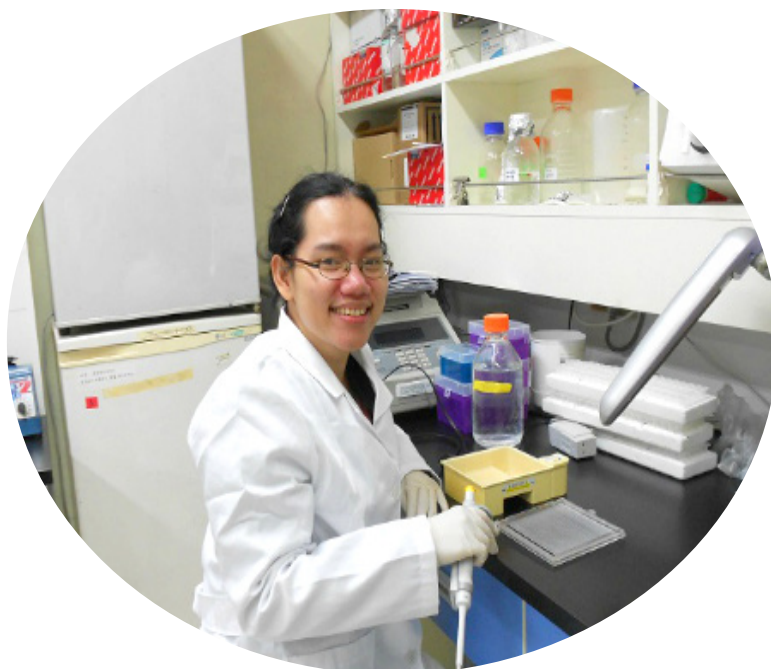
Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới kết hợp với Đại học Cornell (Hoa Kỳ) và Học viện Kinh doanh INSEAD (Pháp) công bố chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2015. Theo đó Việt Nam đứng thứ 52 trên tổng số 141 nền kinh tế, tăng 19 bậc so với năm ngoái. Đây được cho là một bước tăng bậc ngoạn mục của Việt Nam nhờ đầu tư cho phát triển KH&CN trong năm vừa qua, nhất là khi Luật KH&CN có hiệu lực.

Nếu như trước năm 2010, theo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu Việt Nam còn đứng thứ bảy trong ASEAN, năm 2013 nước ta vượt qua Philippines, Indonesia, đến năm 2014, vượt qua Brunei. Năm nay, Việt Nam vượt qua Thái Lan, vào top 3 ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu.

### Lĩnh vực nghiên cứu cơ bản

9. UNESCO công nhận hai Trung tâm về Toán học và Vật lý của Việt Nam là trung tâm dạng hai

Kỳ họp lần thứ 38 của Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục,



Tiến sĩ Trần Hà Liên Phương đã vinh dự được nhận Giải thưởng “Nhà khoa học trẻ tài năng của thế giới” của Quỹ L’Oréal - UNESCO

Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) tại Paris (Pháp), tháng 11/2015 đã thông qua việc thành lập Trung tâm Toán học và Vật lý dạng II của Việt Nam dưới sự bảo trợ của UNESCO.

Năm 2015, UNESCO đã công nhận 17 trung tâm dạng hai về khoa học cơ bản, trong đó có hai Trung tâm về Toán học và Vật lý của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, việc thành lập các Trung tâm quốc tế về Toán học, Vật lý được UNESCO công nhận, bảo trợ sẽ giúp nâng cao vị thế của khoa học Việt Nam, đưa nền KH&CN Việt Nam hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

### Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

10. Hội thảo khoa học quốc

tế kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015)

Ngày 8/8/2015, tại Thủ đô Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã tổ chức Hội thảo quốc tế kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015) với chủ đề “Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại”. Hội thảo là nơi gặp gỡ của các nhà Kiều học và Nguyễn Du học, nơi thể hiện những tiếng nói đồng cảm, đồng lòng, đồng vọng về những giá trị tinh thần mà Nguyễn Du trao gửi cho hậu thế. Hội thảo còn là dịp mở rộng giao lưu, quảng bá các giá trị tinh hoa của văn học cổ điển Việt Nam, văn hóa Việt Nam đến bạn bè quốc tế./.

Nguyễn Tươi (t/h)

# Kết quả hoạt động sáng kiến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và phương hướng hoạt động năm 2016

**Hoàng Công Bình**

*Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành*

**T**rong năm 2015 toàn tỉnh có 1.321 đơn đề nghị công nhận sáng kiến, tăng 297 đơn so với năm 2014; có 1.213 sáng kiến được công nhận, tăng 327 sáng kiến so với năm 2014; với số tiền làm lợi trên 4,9 tỷ đồng, tăng hơn 3,3 tỷ đồng so với năm 2014. Các sáng kiến chủ yếu là: Giải pháp quản lý (cách thức tổ chức, điều hành công việc); giải pháp kỹ thuật nâng cao tính ổn định của các thiết bị máy móc, hoàn thiện công nghệ, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm định mức tiêu hao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh; giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật... Nhiều sáng kiến khi triển khai áp dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao như:

Sáng kiến “Thiết kế, cải tạo công nghệ cấp lạnh hệ thống 670 xưởng tổng hợp Amoniac” của Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Nhóm

tác giả đã đề xuất phương án cấp lạnh công đoạn 670 bằng máy băng trực vít thay thế cho hệ thống hấp thụ chế lạnh hiện tại để bảo đảm sản xuất ổn định, tăng sản lượng  $NH_3$ . Hiệu quả sau khi áp dụng: Giảm được tiêu hao năng lượng theo chương trình tiết kiệm năng lượng; sử dụng công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay giảm được lượng  $NH_3$  lỏng phải thải thu hồi lại; máy băng trực vít có năng lực lạnh đáp ứng được phụ tải của hệ thống nhằm duy trì hệ thống tổng hợp  $NH_3$  sản xuất ổn định và đạt hiệu quả. Lợi ích kinh tế thu được do áp dụng sáng kiến khoảng 16,77 tỷ đồng/năm.

Sáng kiến “Đề xuất, lập phương án kỹ thuật triển khai sử dụng dầu điều thay thế dầu FO để đốt lò hơi xưởng nhiệt” của Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, với sáng kiến này lợi ích kinh tế thu được do áp dụng sáng kiến khoảng 484,33

triệu đồng/năm.

Sáng kiến “Thành lập Trung tâm Huấn luyện AT-VSLĐ và xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, cấp chứng chỉ huấn luyện AT-VSLĐ” của Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Sau khi nghiên cứu Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 quy định về công tác huấn luyện an toàn lao động vệ sinh lao động, nhóm tác giả đã đề xuất với lãnh đạo công ty cử cán bộ đi đào tạo làm giảng viên huấn luyện và làm thủ tục xin phép Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho thành lập Trung tâm Huấn luyện AT-VSLĐ trực thuộc công ty, đồng thời lập hồ sơ, làm thủ tục đề nghị Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động huấn luyện AT-VSLĐ cho công ty. Theo giấy phép, Công ty được phép huấn luyện, cấp chứng chỉ cho người lao động của công ty thuộc



Lò đốt rác thải sinh hoạt của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN

nhóm 3, 4 theo quy định của Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH. Kinh phí tiết kiệm được khi tự huấn luyện cho người lao động nhóm 3 và nhóm 4 trong năm 2015 là 630 triệu đồng.

Sáng kiến “Thiết kế, lắp đặt hộp tiết địa cố định cáp bọc đường dây 0.4kV trên lưới điện tỉnh Bắc Giang” của Công ty Điện lực Bắc Giang: Do các Đội công tác làm việc trên đường dây 0.4kV cáp bọc hiện đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp địa đường dây. Hiện tại chỉ thực hiện tại tủ phân phối 0.4kV của trạm biến áp hoặc tại các vị trí lắp đặt hộp công tơ 3 pha đấu trên lưới hạ thế. Việc tiếp địa như trên vừa khó trong việc thực hiện, vừa không đảm bảo an toàn tuyệt đối cho đội công tác. Để khắc phục nhược

điểm trên cũng như đảm bảo thuận tiện trong việc tiếp địa đường dây cáp bọc 0.4kV, nhóm tác giả đã đưa ra giải pháp lắp cố định cá hộp tiếp địa trên đường dây cáp bọc 0.4kV. Khi phải tiến hành công tác trên đường dây, đội công tác chỉ việc đến các vị trí đã lắp đặt sẵn hộp tiếp địa cố định để thực hiện đặt tiếp địa an toàn.

Sáng kiến kinh nghiệm “Đổi mới công tác lễ tân đối ngoại” của Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang. Nhóm tác giả đã tham mưu đề xuất một số phương pháp đổi mới trong công tác lễ tân đối ngoại: Ban hành quy định về công tác lễ tân đối ngoại, thay đổi hình thức trình bày báo cáo, thay đổi các quà tặng lưu niệm... Qua đó giúp nâng cao hình ảnh của tỉnh trong con mắt của các đoàn

nước ngoài.

Năm 2015, các cơ quan, đơn vị đã quan tâm đến hoạt động phổ biến sáng kiến, qua đó góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả lao động trong lĩnh vực của mình, đồng thời biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân tích cực trong hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Tiêu biểu là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã thưởng cho các tác giả/nhóm tác giả với tổng số tiền thưởng là 145,9 triệu đồng, Công ty Điện lực Bắc Giang thưởng là 15,4 triệu đồng, Sở Xây dựng thưởng là 14,5 triệu đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thưởng là 16,1 triệu đồng, Báo Bắc Giang thưởng 11,5 triệu đồng.

Việc hỗ trợ triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu,

công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện. 100% các sáng kiến được công nhận được cơ quan, đơn vị tạo điều kiện áp dụng lần đầu và tổ chức xét công nhận sáng kiến.

Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang được tổ chức 02 năm/lần do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn lao động tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức. Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ VI (năm 2014-2015) đã nhận được 120 giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham gia đăng ký dự thi. Kết quả, Hội đồng Giám khảo vòng chung khảo đã thực hiện việc đánh giá và lựa chọn 31 giải pháp để trao giải thưởng, bao gồm: 05 giải nhất, 08 giải nhì, 12 giải ba và 06 giải khuyến khích. Ban Tổ chức Hội thi đã lựa chọn được 10 giải pháp gửi tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ XIII, năm 2015.

Các giải pháp tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ VI, năm 2015 đã phản ánh sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sức sáng tạo, cải tiến kỹ thuật từ yêu cầu thực tiễn sản xuất và đời sống. Nhiều giải pháp có giá trị kinh tế - xã hội đã được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đem lại lợi ích cho người sản xuất,

nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp cũng như góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe của nhân dân như: Giải pháp xây dựng phương án quy hoạch tổng thể hồ môi trường, xây dựng và kiên cố hóa hệ thống xử lý nước thải của công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc; Giải pháp Thiết kế và lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt của nhóm tác giả thuộc Trung tâm ứng dụng Tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Giang. Chi phí đầu tư xây dựng một lò khoảng 300 - 400 triệu đồng, chỉ bằng 15 - 20% chi phí lắp đặt lò đốt rác thải nhập khẩu; Giải pháp xử lý ra hoa, đậu quả không đào rễ trên cây cam Đường Canh. Ngoài ra, còn có nhiều giải pháp tiêu biểu như: Phát triển năng lực học sinh thông qua dạy học nội dung bất đẳng thức trong chương trình THPT; Ghép thuốc trong điều trị bệnh sơ sinh tại Bệnh viện Sản nhi Bắc Giang; Kỹ thuật phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản đoạn 1/3 trên tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang; Cải tiến máy làm đất, làm cỏ đa chức năng do Trung Quốc sản xuất thành máy xới, băm cỏ thay thế lao động thủ công phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Năm 2015, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và đề nghị cấp có thẩm quyền trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho 04 cá

nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sáng kiến.

Để đẩy mạnh hoạt động sáng kiến trong thời gian tới cần: Tiếp tục quán triệt, phổ biến, triển khai các nghị định, quy định; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến công tác sáng kiến nhằm hưởng ứng phong trào thi đua sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động sáng kiến; đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc giới thiệu các điển hình tiên tiến, những giải pháp sáng tạo kỹ thuật đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao tại các địa phương, đơn vị và doanh nghiệp; tuyên truyền, phổ biến để các đơn vị, cá nhân nhận thức, hiểu rõ, hiểu đúng hiệu quả của các sáng kiến đem lại và thủ tục xét, công nhận sáng kiến; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 16/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn các tổ chức, cá nhân có sáng kiến tiêu biểu, có khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội thiết thực, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp theo quy định./.



# Hiệu quả bước đầu đề tài:

## “Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây ba kích dưới tán cây lâm nghiệp, cây ăn quả tại Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”

**Lương Vũ Thắng**

*Phó trưởng phòng QLKH*

**S**ơn Động là huyện vùng cao của tỉnh Bắc Giang, cách trung tâm tỉnh 80km về phía Đông, có diện tích tự nhiên 84.577,17ha; trong đó diện tích đồi rừng là 49.953ha, chiếm 59% diện tích tự nhiên (diện tích đồi thấp là 39.462,12ha, chiếm 79% diện tích đồi rừng; diện tích rừng 10.490,82ha, chiếm 21% diện tích đồi rừng). Dân số 72.563 người; dân tộc thiểu số 33.418 người, chiếm 46% dân số; có 14 dân tộc anh em cùng chung sống ở 21 xã, 02 thị trấn. Từ lâu vùng đất Sơn Động đã nổi tiếng với các lâm sản quý hiếm như: Gỗ lim, lợn rừng, hươu, nai, nấm linh chi, mật ong rừng và các loại lâm sản ngoài gỗ khác, trong đó ba kích là loài cây thuốc quý trong nhóm cây lâm sản ngoài gỗ, phân bố tự nhiên nhiều ở huyện. Hiện nay, nhu cầu của con người về nguồn

được liệu ngày càng tăng. Tuy nhiên, các loài cây dược liệu trong tự nhiên đang bị giảm về số lượng bởi sự khai thác quá mức; cùng các điều kiện ngày càng bất lợi của môi trường tự nhiên... dẫn đến nhiều loài cây dược liệu quý có nguy cơ bị tuyệt chủng, trong đó có ba kích, điều đó làm ảnh hưởng đến nguồn cung cấp dược liệu bền vững cho con người.

Các vườn cây ăn quả ở huyện Sơn Động chủ yếu trồng quảng canh, năng suất, chất lượng kém, để lại nhiều khoảng đất trống gây lãng phí đất đai. Cây lâm nghiệp (rừng trồng, rừng tái sinh...) được các hộ chủ yếu trồng xa và ở trên cao để tránh ảnh hưởng đến đời sống con người và hầu hết các đồi rừng đều có một khoảng đất trống rộng từ 30-50m đất đai không được sử dụng.

Từ những lý do trên, Hội

Nông dân tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ký Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 về việc phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây ba kích dưới tán cây lâm nghiệp, cây ăn quả tại Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”. Thời gian thực hiện từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015.

Mục tiêu của đề tài: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng thử nghiệm cây ba kích (*Morinda Officinalis* How), dưới tán cây lâm nghiệp, cây ăn quả, nhằm bổ sung vào cơ cấu cây trồng, góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của cây ba kích.

Nội dung chính của đề tài: Điều tra, khảo sát hiện trạng, tình hình sản xuất đồi rừng, cây ăn quả và cây ba





*Dự án trồng cây ba kích tại Bắc Giang đã mang lại hiệu quả cao, giúp cải thiện chất lượng sống của các hộ tham gia dự án*

kích tại vùng nghiên cứu; nghiên cứu trồng thử nghiệm cây ba kích dưới tán cây lâm nghiệp; nghiên cứu trồng thử nghiệm cây ba kích dưới tán cây ăn quả; xây dựng các chuyên đề nghiên cứu; tổ chức tập huấn kỹ thuật cho người dân, hội nghị đầu bờ và hội thảo khoa học.

Sau 2 năm thực hiện Đề tài “Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây ba kích dưới tán cây lâm nghiệp, cây ăn quả tại Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” đã xây dựng được 2 mô hình: 01 trồng cây ba kích dưới tán cây ăn quả với quy mô 01 ha; 01 mô hình trồng cây ba kích dưới tán cây lâm nghiệp với quy mô 01ha. Đã tổ chức 02 lớp tập huấn cho 100 người tham dự; 04 hội

nghị đầu bờ cho 120 người tham dự và 01 cuộc hội thảo khoa học cho 40 người tham dự. Đề tài xây dựng được 01 kỹ yếu hội thảo, 04 chuyên đề: Quy trình hướng dẫn kỹ thuật trồng cây ba kích dưới tán cây ăn quả, cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của địa phương.

Các hộ nông dân tham gia đề tài đã thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn đảm bảo cây ba kích sinh trưởng tốt dưới tán cây ăn quả và cây lâm nghiệp; quản lý tốt các đối tượng sâu bệnh hại, đến nay chưa thấy xuất hiện đối tượng sâu bệnh gây hại nguy hiểm nào đến cây ba kích. Các điều kiện khí hậu, đất đai của xã Yên Định và

thị trấn Thanh Sơn rất thuận lợi cho sự sinh trưởng, phát triển của cây ba kích dưới tán cây ăn quả, cây lâm nghiệp. Thành công của đề tài cũng là mô hình đầu tiên, điển hình ở huyện Sơn Động để người dân tham quan học tập. Đến nay đã có một số hộ tự nhân giống để mở rộng diện tích trồng.

Đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần vào việc phát triển sản xuất nguồn lâm sản ngoài gỗ, hạn chế người dân phá rừng làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo cho nông dân miền núi, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang./.

# Bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**T**heo đánh giá của cơ quan chuyên môn, nhiều giống cây dược liệu quý hiếm như nấm lim xanh, ba kích... đang dần mai một do người dân chưa quan tâm bảo tồn, phát triển. Để khôi phục nguồn gen quý này, năm 2014, Công ty cổ phần Lâm y dược Bắc Sơn đã đề xuất triển khai đề tài “Nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và trồng thử nghiệm một số loài cây dược liệu trên địa bàn huyện Lục Nam và huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” nhằm chọn tạo hai giống dược liệu quý là hà thủ ô và ba kích.

Sau hơn 2 năm triển khai, đề tài đã xây dựng mô hình nhân giống được 7.500 cây ba kích giống từ hom, 2.500 cây giống từ hạt và 15.000 cây hà thủ ô đồ từ hom. Theo thạc sĩ Kim Ngọc Quang (chủ nhiệm đề tài): “Để thực hiện nhân giống thành công, đơn vị đã tiến hành khảo nghiệm với 4 giống hà thủ

ô, 11 giống ba kích thu thập từ một số tỉnh miền núi phía Bắc, theo dõi quá trình sinh trưởng, phát triển và đánh giá hiệu quả kinh tế của cây dược liệu trồng tại địa phương. Từ đó, lựa chọn ra giống chất lượng tốt nhất để nhân giống”. Để đề tài thành công và tiếp tục nhân rộng, khi triển khai công ty đã phối hợp vận động bà con nông dân tại 2 huyện Lục Nam và Sơn Động cùng đối ứng tham gia dự án.

Trồng cây dược liệu không cần tốn nhiều công chăm sóc, tận dụng được diện tích đất bỏ hoang, vì vậy nhiều hộ dân tại xã Nghĩa Phương đã chủ động mua cây giống, tìm hiểu quy trình kỹ thuật trồng, chính các loại dược liệu bản địa. Với giá tại thời điểm hiện tại Công ty thu mua là 10.000 đồng/kg hà thủ ô, 150.000 đồng/kg ba kích, mỗi héc-ta cũng cho bà con thu lãi 70 - 100 triệu đồng.

Sau quá trình nghiên cứu khảo nghiệm, Công ty

đã chọn tạo được 1/4 giống hà thủ ô cho năng suất cao và 4/11 giống ba kích để đưa vào nhân giống cho bà con nông dân. Đối với những giống không cho năng suất, sẽ đưa đi đánh giá hoạt chất và tiếp tục duy trì để bảo tồn nguồn gen và đưa ra những khuyến cáo cho bà con nông dân trồng dược liệu. Ngoài hai giống dược liệu được chọn tạo từ đề tài, còn nhiều giống dược liệu quý như: Bách bệnh, bình vôi, các loại sâm, cà gai leo, chè vàng, đinh lăng, hoài sơn, khôi tía... được đưa vào trồng khảo nghiệm và nhân giống tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây thuốc của công ty. Đề tài đã bước đầu đánh giá được hiệu quả kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo, mở ra hướng đi mới cho việc bảo tồn, phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang./.

**Hoàng Thoa**

# Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh kiểm tra đề tài, dự án khoa học và công nghệ

**N**gày 6/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh đã tiến hành kiểm tra thực địa 2 đề tài, dự án khoa học và công nghệ tại huyện Yên Thế và Tân Yên. Cùng đi có lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ trì các đề tài, dự án.

Tại huyện Yên Thế, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh kiểm tra tình hình thực hiện dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống vô tính, trồng thâm canh, cải tạo nương chè già cỗi và chế biến chè an toàn tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang” do Công ty TNHH Hiệp Thành chủ trì. Dự án đã hoàn thành xây dựng mô hình nhân giống chè bằng phương pháp giảm cành quy mô 3.500m<sup>2</sup>; chăm sóc nương chè giống mới giai đoạn kiến thiết cơ bản kết hợp với thâm canh tổng hợp sản xuất chè an toàn 30.6ha và mô hình chế biến chè xanh quy mô 5 tấn búp tươi/ngày. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn như thiếu nguyên liệu đầu vào cho sản



Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh thăm mô hình nhân giống chè tại Yên Thế

xuất thành phẩm, vùng sản xuất nguyên liệu chưa tập trung. Cơ quan chủ trì đề xuất Chủ tịch tiếp tục quan tâm trong việc hỗ trợ trồng chè tạo vùng chuyên canh tập trung có năng suất, hiệu quả cao trong đó có việc áp dụng cơ khí hóa các khâu trong trồng trọt, thu hoạch; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm “chè Yên Thế”; đưa một số giống mới vào sản xuất và đặc biệt là tạo hướng phát triển cho sản phẩm chè theo hướng sản phẩm đặc sản.

Tại buổi làm việc, đồng chí Chủ tịch khẳng định, kết quả dự án đã góp phần mở rộng vùng chè tại huyện Yên Thế (ban đầu 137ha, hiện nay 485ha). Trong thời gian tới, cơ quan chủ trì cần phối hợp chặt chẽ với huyện tuyên truyền vận động người dân mở rộng diện tích; xây dựng quan hệ sản xuất, tạo sự liên kết “4 nhà”; đảm bảo giữ vững chất lượng sản phẩm, cải thiện mẫu mã, bao bì cho sản phẩm; tăng cường tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các



liên hoan, triển lãm trong và ngoài nước.

Kiểm tra đối với đề tài “Nghiên cứu, đánh giá bảo tồn nguồn gen cây Sâm Nam núi Dành phân bố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” do Viện Di truyền Nông nghiệp Việt Nam chủ trì thực hiện. Đề tài triển khai nhằm nghiên cứu đặc điểm phân bố, sinh

trưởng, phát triển của cây Sâm Nam núi Dành; xác định tên khoa học và dược tính của cây Sâm Nam. Qua kiểm tra, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh cũng đánh giá đây là đề tài có ý nghĩa lớn trong việc bảo tồn và phát triển nguồn ghen quý phục vụ ngành y dược. Để đề tài đạt hiệu quả cơ quan chủ

quản cần thường xuyên phân công cán bộ chuyên môn hướng dẫn hộ dân chăm sóc cây trồng. Viện Di truyền Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục nuôi cấy mô tạo nguồn giống, mở rộng diện tích sản xuất./.

Hoàng Thoa

## Bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Lợn sạch Tân Yên”

**C**ục Sở hữu Trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) vừa cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể “Lợn sạch Tân Yên” (Giấy chứng nhận số: 258047 ngày 18/3/2016) cho Hội Chăn nuôi lợn sạch Tân Yên.

Hội chăn nuôi lợn sạch Tân Yên vừa ra mắt tháng 12/2014 với 54 hộ chăn nuôi tham gia. Việc đăng ký thành công nhãn hiệu “Lợn sạch Tân Yên” sẽ góp phần tích cực trong việc bảo hộ, tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm lợi ích lâu dài cho người chăn nuôi lợn ở Tân Yên.

Như vậy, sau Vải sớm Phúc Hòa, Lạc giống Tân Yên, huyện Tân Yên có thêm một sản phẩm nông nghiệp được công nhận nhãn hiệu hàng hóa./.



Mô hình chăn nuôi lợn sạch được phát triển mạnh ở Tân Yên

Hoàng Thoa